

Số/No: /PBHC-PCTT

*Tp. Hồ Chí Minh,
Ho Chi Minh City , December 31, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

V/v: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
Re: Business Plan for 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP/ Petrovietnam Fertilizer & Chemicals Corporation (PVFCCo).
 - Mã chứng khoán/*Stock symbol*: DPM
 - Trụ sở chính/*Address*: 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Sài Gòn TP Hồ Chí Minh/*43 Mac Dinh Chi Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*
 - Điện thoại/*Tel*: 028 - 3825 6258; Fax: 028- 3825 6269

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Căn cứ Nghị quyết số 25-942/NQ-PBHC ngày 31/12/2025 của Hội đồng quản trị PVFCCo về việc thông qua và giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của PVFCCo, Tổng công ty công bố thông tin về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như đính kèm./ *Pursuant to Resolution No. 25-942 /NQ-PBHC dated 31 December 2025 of the Board of Directors of PVFCCo regarding the approval and assignment of the 2026 business production plan for PVFCCo, the Corporation hereby announces information about the 2026 business production plan as attached.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty từ ngày 31/12/2025 tại đường dẫn/ *This information was published on the Corporation's website on 31 December 2025, as in the link: <https://dpm.vn/cong-bo-thong-tin/>*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Nơi nhận:

- Như trên (ECM)/*As above*;
- HĐQT, TGĐ, BKS/*BOD, BOM, SB*;
- Ban: TCKT, TTTT/*Comm. Dept*;
- Lưu: VT, TH, PCTT (TTV)/*Filing*.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2026/
Business plan for 2026.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG
BỐ THÔNG TIN/ PERSON AUTHORIZED TO
DISCLOSE INFORMATION**

Trương Thế Vinh

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2026 CỦA PVFCCo

BUSINESS PLAN FOR 2026 OF PVFCCo

(Theo Nghị quyết số 25-942/NQ-PBHC ngày 31/12 /2025 của HĐQT PVFCCo/According to the Resolution No. 25-942/NQ-PBHC dated 31 December 2025 of the BOD of PVFCCo)

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản lượng/Production Targets

STT/ No	Chỉ tiêu/Targets	Đơn vị tính/ Unit	Kế hoạch 2026/ Plan for 2026
1	Sản lượng sản xuất/Production Output		
1.1	Urea Phú Mỹ quy đổi/Phu My Urea (equivalent)	Nghìn tấn/ thousand tons	902,7
1.2	NPK Phú Mỹ/ Phu My NPK	Nghìn tấn/ thousand tons	180,0
1.3	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn/ thousand tons	10,0
2	Sản lượng kinh doanh/ Sales Volume		
2.1	Urea Phú Mỹ & các sản phẩm có nguồn gốc Urea Phú Mỹ/ Phu My Urea and Phu My Urea-based Products	Nghìn tấn/ thousand tons	833,0
2.2	NPK Phú Mỹ/ Phu My NPK	Nghìn tấn/ thousand tons	180,0
2.3	Phân bón thương mại/Trading Fertilizers	Nghìn tấn/ thousand tons	310,0
2.4	Hóa chất sản xuất/ Manufactured Chemicals	Nghìn tấn/ thousand tons	99,5
2.5	Hóa chất thương mại/Traded Chemicals	Nghìn tấn/ thousand tons	29,6

2. Chỉ tiêu kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)/ Consolidated Financial Targets

STT/ No	Chỉ tiêu/Targets	Đơn vị tính/Unit	Kế hoạch 2026/ Plan for 2026
1	Tổng doanh thu/Total Revenue	Tỷ đồng/ VND bil.	17.600
2	Lợi nhuận trước thuế/ Profit Before Tax	Tỷ đồng/ VND bil.	850
3	Lợi nhuận sau thuế/ Profit After Tax	Tỷ đồng/ VND bil.	680
4	Nộp NSNN/ Contribution to State Budget (tax)	Tỷ đồng/ VND bil.	340
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)/ Average Labor Productivity (calculated by revenue)	Triệu đồng/người/tháng / VND mil./person/month	917

3. Kế hoạch Công ty mẹ /Holding Plan

3.1. Chỉ tiêu kế hoạch Tài chính/ Financial Targets

STT/ No	Chỉ tiêu/Targets	Đơn vị tính/ Unit	Kế hoạch 2026/ Plan for 2026
1	Vốn chủ sở hữu, trong đó/Equity:	Tỷ đồng/ VND bil.	10.635
	Vốn điều lệ/vốn điều lệ bình quân / Average Charter Capital	Tỷ đồng/ VND bil.	6.800
2	Tổng doanh thu /Total Revenue	Tỷ đồng/ VND bil.	15.295

STT/ No	Chỉ tiêu/Targets	Đơn vị tính/ Unit	Kế hoạch 2026/ Plan for 2026
3	Lợi nhuận trước thuế / Profit Before Tax	Tỷ đồng/ VND bil.	800
4	Lợi nhuận sau thuế / Profit After Tax	Tỷ đồng/ VND bil.	647
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân / Return on Average Equity (ROAE)	%	6,1
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản / Return on Total Assets (ROA)	%	3,9
7	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ ¹ / Dividend Payout Ratio (to Charter Capital)	%	12
8	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu / Debt-to-Equity Ratio	lần/times	0,55

3.2. Chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư/ Investment Capital Plan

STT/ No	Chỉ tiêu/Targets	Đơn vị tính/Unit	Kế hoạch 2026/ Plan for 2026
I	Tổng nhu cầu vốn đầu tư/ Total capital	Tỷ đồng/ VND Bil.	1.163,3
1	Đầu tư XD CB / Basic Construction Investment Projects	Tỷ đồng/ VND Bil.	582,6
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị/ Procurement of Assets and Equipments	Tỷ đồng/ VND Bil.	371,7
3	Đầu tư tài chính/góp vốn/ Financial Investments	Tỷ đồng/ VND Bil.	210,0
II	Nguồn vốn đầu tư/ Capital Sources	Tỷ đồng/ VND Bil.	1.164,3
1	Vốn Chủ sở hữu/ Owner's Equity	Tỷ đồng/ VND Bil.	1.164,3
2	Vốn vay và khác / Loans & other sources	Tỷ đồng/ VND Bil.	-
III	Giá trị giải ngân trong năm/ Amount of Disbursement	Tỷ đồng/ VND Bil.	1.164,3
1	Vốn Chủ sở hữu/ Owner's Equity	Tỷ đồng/ VND Bil.	1.164,3
2	Vốn vay và khác/ Loans & other sources	Tỷ đồng/ VND Bil.	-

¹ Tỷ lệ chia cổ tức là tạm tính trên cơ sở giá khí giả định cho sản xuất Đạm Phú Mỹ. Giá khí/cước phí vận chuyển khí cho sản xuất Đạm Phú Mỹ năm 2026 sẽ được chính xác hóa sau khi được phê duyệt/chấp thuận/ The dividend payout ratio is temporarily calculated based on the assumed gas price for Phu My Fertilizer production. The gas price/transportation fee for gas used in Phu My Fertilizer production in 2026 will be finalized after approval/authorization.